TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/KDTM-ST
Ngày: 14-7-2017
V/v tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AD THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Minh Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Tuân.

2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên – Thư ký Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2017/TLST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc: "Tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2017/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần D.

Địa chỉ: Số 122, đường K, phường N, quận T, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Lê Thanh S, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 13, TT, thành phố H, tỉnh H; chức vụ: Nhân viên pháp chế Công ty Cổ phần D (theo Giấy uỷ quyền số 03/2017/UQ-ANTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017); có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần T.

Địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:

Ông Đặng Anh T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 1, khu đô thị mới, phường Q, quận H, thành phố Hải Phòng; chức vụ: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần T; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn là Công ty Cổ phần D do ông Lê Thanh S là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 15 tháng 8 năm 2013 Công ty Cổ phần D (gọi tắt là Công ty D) và Công ty Cổ phần T (gọi tắt là Công ty T) đã ký Hợp đồng dịch vụ bảo vệ có nội dung Công ty D cung cấp dịch vụ bảo vệ an ninh cho Công ty T đối với nhà máy thép của Công ty T tại thôn S, xã A, huyện A, Hải Phòng. Mỗi tháng Công ty T có trách nhiệm thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ là 66.000.000 đồng. Thời gian thanh toán chậm nhất vào ngày 10 dương lịch tháng kế tiếp. Do các bên có sự thống nhất điều chỉnh về phạm vi dịch vụ nên Hợp đồng này được thanh lý vào ngày 31 tháng 3 năm 2015. Đến ngày 01 tháng 4 năm 2015, Công ty D và Công ty T tiếp tục ký Hợp đồng dịch vụ bảo vệ với nội dung, phạm vi và thời gian thanh toán tương tự Hợp đồng ngày 15 tháng 8 năm 2013 đồng thời giảm chi phí dịch vụ cho Công ty T, theo đó mỗi tháng, Công ty T có trách nhiệm thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ là 42.350.000 đồng.

Cả hai hợp đồng trên, các bên còn thỏa thuận về phạt chậm thanh toán, theo đó lãi suất chậm thanh toán được tính bằng lãi suất tiền vay của Ngân hàng Đ tại thời điểm chậm thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã thực hiện đúng nội dung các bên đã cam kết, đã tổ chức các công việc bảo vệ, phân công nhân lực có đầy đủ điều kiện hành nghề và kỹ năng giải quyết các vấn đề an ninh trật tự chốt trực 24/24 tại các mục tiêu bảo vệ, tuần tra kiểm soát, ngăn chặn kịp thời các biểu hiện phá hoại, xâm phạm quyền lợi của Công ty T. Tuy nhiên, Công ty T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, mới chỉ thanh toán trả cho Công ty D số tiền 624.500.000 đồng. Công ty D đã nhiều lần liên hệ, đôn đốc nhưng Công ty T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2017, Công ty T còn nợ Công ty D số tiền phí dịch vụ bảo vệ của cả hai hợp đồng là 1.636.550.000 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán là 159.363.333 đồng.

Nay Công ty D đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán trả cho Công ty D số tiền phí dịch vụ bảo vệ là 1.636.550.000 đồng và khoản tiền lãi tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2017 là 159.363.333 đồng.

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm: Đối với hai Hợp đồng dịch vụ bảo vệ ngày 15 tháng 8 năm 2013 và ngày 01 tháng 4 năm 2015, ngoài Công ty D và Công ty T còn có Công ty Cổ phần L (viết tắt là Công ty L) tham gia ký kết hợp đồng, song theo nội dung các hợp đồng đã ký các Công ty T và L độc lập quyền và nghĩa vụ nên Công ty D không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Công ty L. Công ty D rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi, chỉ đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải thanh toán trả cho Công ty D số tiền phí dịch vụ bảo vệ tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2017 là 1.636.550.000 đồng; không chấp nhận quan điểm của người đại diện theo pháp luật của bị đơn về lộ trình trả nợ từ tháng 11 năm 2017, mỗi tháng Công ty T trả cho Công ty D 50.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết khoản tiền phí dịch vụ bảo vệ.

Tại Bản tự khai ngày 21 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình tố tụng, bị đơn là Công ty Cổ phần T do ông Đặng Anh T là người đại diện theo pháp luật trình bày và xác nhận: Công ty T có ký hai Hợp đồng dịch vụ bảo vệ ngày 15 tháng 8 năm 2013 và ngày 01 tháng 4 năm 2015 với Công ty D và còn nợ số tiền phí dịch vụ bảo vệ của hai hợp đồng tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2017 là 1.636.550.000 đồng, Công ty T sẽ có trách nhiệm trả cho Công ty D số nợ trên. Tuy nhiên do Công ty T đang dừng hoạt động sản xuất nên Công ty T chỉ trả nợ cho Công ty D theo lộ trình từ tháng 11 năm 2017 mỗi tháng Công ty T trả cho Công ty D 50.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết khoản tiền phí dịch vụ bảo vệ. Đối với khoản tiền lãi, Công ty T chưa đối chiếu được nên chưa có căn cứ để xác định số lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với Người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 30; Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các điều 74, 79, 82, 85, 87, 306 Luật thương mại;

-Căn cứ Điều 6; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D. Buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty D số tiền phí dịch vụ bảo vệ tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2017 là 1.636.550.000 đồng. Công ty T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Công ty D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ Điểm b, Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại: "Tranh chấp Hợp đồng cung ứng dịch vụ" nên theo quy định tại Khoản 1, Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

[3]. Về người tham gia tố tụng trong vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thì các Hợp đồng dịch vụ bảo vệ ngày 15 tháng 8 năm 2013 và ngày 01 tháng 4 năm 2015 ngoài Công ty D và Công ty T còn có Công ty L tham gia ký kết hợp đồng, song theo nội dung các hợp đồng đã ký các Công ty L, D và T có quyền và

nghĩa vụ độc lập, Công ty D không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Công ty L nên Tòa án không đưa Công ty L là người tham gia tố tụng trong vụ án.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty D:

Căn cứ lời khai các đương sự, kết hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ cho thấy: Theo nội dung các hợp đồng đã ký, Công ty D có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo vệ tài sản và duy trì an ninh trật tự tại Nhà máy thép của Công ty T tại thôn S, xã A, huyện A, Hải Phòng và Công ty T phải trả số tiền dịch vụ cho Công ty D là 66.000.000 đồng/tháng (theo hợp đồng ký ngày 15 tháng 8 năm 2013) và 42.350.000.000 đồng (theo hợp đồng ký ngày 01 tháng 4 năm 2015), trả vào ngày 10 của tháng liền kề. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty D đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng nhưng Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Công ty T cũng xác nhận số tiền phí dịch vụ bảo vệ Công ty T còn thiếu chưa thanh toán cho Công ty D tính đến ngày 22 tháng 3 năm 2017 là 1.636.550.000 đồng. Vì vậy, Công ty D có quan điểm đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho Công ty D là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quan điểm rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi chậm thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Do Công ty D và Công ty T đang tiếp tục thực hiện hợp đồng dịch vụ bảo vệ nên đối với các khoản phát sinh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2017 nếu các bên có tranh chấp và có yêu cầu, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

Theo nội dung các hợp đồng đã ký, các bên còn thỏa thuận nếu Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Công ty D được tính lãi suất trên số tiền chậm trả bằng lãi suất tiền vay của Ngân hàng Đ tại thời điểm chậm trả. Vì vậy, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Công ty T phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo mức lãi suất đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên theo Điều 306 Luật Thương mại.

[5]. Về án phí: Theo quy định của pháp luật Công ty T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Trả lại cho Công ty D số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1, Điều 30; Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các điều 74, 79, 82, 85, 87, 306 Luật thương mại;

-Căn cứ Điều 6; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần D. Buộc Công ty Cổ phần T phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty Cổ phần D số tiền 1.636.550.000 đồng (Một tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn) đồng.

2/ Về án phí: Công ty cổ phần T phải chịu 61.096.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho Công ty Cổ phần D số tiền 24.716.000 đồng tạm ứng án phí Công ty Cổ phần D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo Biên lai số 4012 ngày 15 tháng 3 năm 2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tiền vay của Ngân hàng Đ tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Minh Huế